

Bản án số: **99/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/8/2022

V/v tranh chấp “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Tuấn Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Văn Thuận**

Ông **Nguyễn Văn Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh KH tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ L số 859/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị T** sinh năm 1986; địa chỉ: Số 436/23 Lê Hồng Phong, phường Phước Long, thành phố NT, tỉnh KH; vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trọng T** sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Phước Lộc, xã Phước Đồng, thành phố NT, tỉnh KH; vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Ngô Thị T trình bày:* Bà và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lộc Thọ, thành phố NT, tỉnh KH. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã; ông T nhiều lần đánh đập bà; do không chịu nổi việc bạo lực gia đình nên bà đã ly thân ra ở riêng được hơn 01 năm nay. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Giữa bà và ông Nguyễn Trọng T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiên L, sinh ngày 03/9/2013. Sau khi ly hôn, ông T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên L và bà cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng.

- Về nợ chung: Giữa bà và ông Nguyễn Trọng T không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, đơn trình bày và xin giải quyết vắng mặt, bị đơn là ông Nguyễn Trọng T trình bày:* Ông đồng ý với lời trình bày của bà Ngô Thị T về vấn đề kết hôn, con chung, nợ chung và tài sản chung. Ông trình bày là bà T đã rời khỏi gia đình vào tháng 6/2020; ông không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị T.

- Về con chung: Giữa ông và bà Ngô Thị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiên L, sinh ngày 03/9/2013; sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu bà T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

- Về nợ chung: Giữa ông và bà Ngô Thị T không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên xác định:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ các quy định của pháp luật về trình tự tố tụng của vụ án; các đương sự đều đã được đảm bảo thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn; đối với vấn đề nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các bên đương sự, giao cháu Nguyễn Thiên L cho ông Nguyễn Trọng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của ông Nguyễn Trọng T và buộc bà Ngô Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thiên L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Thiên L đủ 18 tuổi; đối với vấn đề nợ chung, do nguyên đơn và bị đơn đều xác định là không có nợ chung; đối với vấn đề tài sản chung, do nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn là bà Ngô Thị T và bị đơn là ông Nguyễn Trọng T vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Lộc Thọ, thành phố NT, tỉnh KH cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyển số 01/2012 ngày 26/12/2012; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Ngô Thị T và bị đơn là ông Nguyễn Trọng T, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã; ông T nhiều lần đánh đập bà; do không chịu nổi việc bạo lực gia đình nên bà T đã ly thân ra ở riêng từ tháng 6/2020 cho đến nay.

Mặc dù ông T không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà T, nhưng bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà cương quyết xin được ly hôn với ông T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Trọng T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên; cả hai bên đã sống ly thân với nhau kể từ tháng 6/2020 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị T là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Giữa bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Trọng T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiên L, sinh ngày 03/9/2013; khi ly hôn, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và bà T đồng ý giao cháu L cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận; giao cháu Nguyễn Thiên L cho ông Nguyễn Trọng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Nguyễn Trọng T yêu cầu bà Ngô Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng; bà Ngô Thị T đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung ở mức 1.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào nhu cầu sinh hoạt của cháu Nguyễn Thiên L, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận theo yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của ông Nguyễn Trọng T và buộc bà Ngô Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thiên L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Thiên L đủ 18 tuổi.

[5] *Về nợ chung*: Bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Trọng T đều xác định là không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung*: Bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Trọng T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Bà Đậu Thị Phụng phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Ngô Thị T; bà Ngô Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng T.

Về con chung: Giữa bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Trọng T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiên L, sinh ngày 03/9/2013; giao cho ông Nguyễn Trọng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thiên L. Bà Ngô Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thiên L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Thiên L đủ 18 tuổi.

Bà Ngô Thị T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T, ông T đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung: Bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Trọng T đều xác định là không có nợ chung.

Về tài sản chung: Bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Trọng T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Ngô Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng; như vậy, bà T phải nộp 600.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0000709 ngày 11/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT; bà Ngô Thị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND thành phố NT;
- Chi cục THADS thành phố NT;
- UBND phường Lộc Thọ, thành phố NT,
- KH (Giấy CNKH số 165, quyền số 01/2012 ngày 26/12/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Tuấn Anh